

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS PÁ MỠ

(Số: 84a/BC-THCSPM, ngày 13 tháng 9 năm 2025)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ THCS PÁ MỠ

2. Địa chỉ trụ sở chính: Bản Pá Mỡ 1, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công Lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mạng

Trường PTDTBT THCS Pá Mỡ tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, hạnh phúc, có nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội rèn luyện phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học để chung sống.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường có bề dày truyền thống. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục tốt. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc.

Phấn đấu đến năm 2030 Trường PTDTBT THCS Pá Mỡ có uy tín, chất lượng tốt, duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả để đến 2030 trở thành đơn vị có phong trào giáo dục xuất sắc.

4.3. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao, là mô hình giáo

dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

4.5. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường - Tình đoàn kết - Lòng nhân ái

- Tinh thần trách nhiệm - Sự hợp tác.
- Lòng tự trọng - Tính sáng tạo.
- Tính trung thực - Khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Pá Mỳ được thành lập từ ngày 18/08/2009 trên cơ sở chia tách từ trường THCS Nậm Kè. Đến năm 2013 thực hiện theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND, ngày 24/10/2013 của UBND huyện về việc chuyển đổi Trường THCS Pá Mỳ thành Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ.

Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng. Hằng năm, nhà trường được khen cao trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị: Bằng khen UBND tỉnh, giấy khen các cấp.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đoạn 2021- 2025 tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết của BCHTW Đảng, về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục. Cùng các trường THCS trong huyện Mường Nhé (cũ) nay là các trường thuộc xã Nậm Kè, xây dựng ngành giáo dục xã Nậm Kè phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh nhà nói riêng, của đất nước nói chung, hội nhập với các nước khu vực và thế giới.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng Quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo đúng quy định hiện hành.

Ban giám hiệu nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, tâm huyết với nghề, năng động, nhiệt tình, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh. Hằng năm đều được đánh giá xếp loại Tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng.

Đội ngũ giáo viên trong nhà trường được biên chế tương đối đủ về số lượng và đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Chất lượng giảng dạy của giáo viên khá đồng đều.

Trong những năm vừa qua, chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh luôn đảm bảo. Các tổ chức đoàn thể, ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức học sinh, công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, góp phần tăng cường cơ sở vật chất, đặc biệt hiệu quả trong công tác khuyến học, phổ cập giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Lò Văn Thanh – Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Bản Pá Mỳ 1, xã Nậm Kè, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0866772166.

Trang website: <https://thcspamy.muongnhe.edu.vn>.

Gmail: thcspamy2012@gmail.com.

Facebook: Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ.

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường.

Quyết định số 1393/QĐ-UBND, ngày 18/08/2009 của Ủy ban Nhân dân huyện Mường Nhé về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Pá Mỳ.

Quyết định số 2180/QĐ-UBND, ngày 24/10/2013 của UBND huyện về việc chuyển đổi Trường trung học cơ sở Pá Mỳ thành Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 269/QĐ – UBND ngày 05/03/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé công nhận Hội đồng trường của các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 1927/QĐ – UBND ngày 05/08/2024 của UBND huyện Mường Nhé về Điều chỉnh bổ sung thành viên Hội đồng trường các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 420/QĐ – UBND ngày 13/04/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé bổ nhiệm chức danh chủ tịch hội đồng đối với các trường PTDTBT THCS, PTDTBT Tiểu học và THCS nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Quyết định số 2097/QĐ – UBND ngày 06/09/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé V/v Điều chỉnh, bổ sung Chủ tịch Hội đồng trường các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Quyết định số 259/QĐ – UBND ngày 12/09/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè V/v Điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Nậm Kè, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, cơ sở giáo dục;

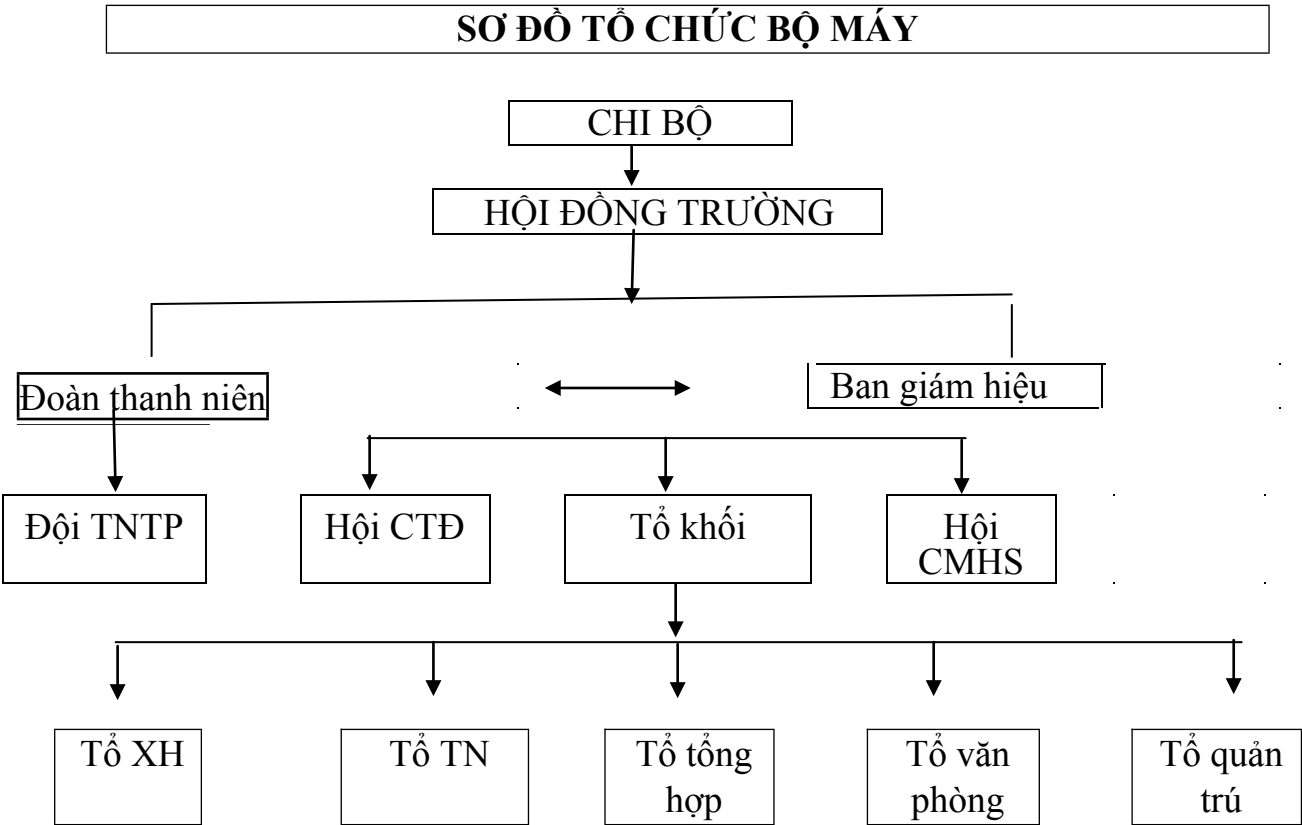
Quyết định số 16/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Nậm Kè về việc bổ nhiệm đối với viên chức Lò Văn Thanh; (*bổ nhiệm hiệu trưởng*).

Quyết định số 22/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Nậm Kè về việc bổ nhiệm đối với viên chức Lê Thành Văn; (phó hiệu trưởng).

Quyết định số 26/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Nậm Kè về việc bổ nhiệm đối với viên chức Trần Văn Hà; (phó hiệu trưởng).

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Luật giáo dục 2019 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.



- Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của nhà trường được quy định tại điều 3 điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư 32/2020/TT-BGD&ĐT ra ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo, quy định chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng;

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương

trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: *(Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quy chế nội bộ khác (nếu có)).*

Kế hoạch số 215/KH – THCS ngày 31 tháng 08 năm 2025 của hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Pá Mỳ, kế hoạch chiến lược phát triển trường PTDTBT THCS Pá Mỳ giai đoạn 2025 – 2030 tầm nhìn năm 2035.

Nghị quyết số 104/NQ –HĐT ngày 26 tháng 05 năm 2025 nghị quyết Hội đồng trường PTDTBT THCS Pá Mỳ lần 4 năm học 2024 - 2025.

Quyết định số 02/QĐ – HT ngày 03 tháng 01 năm 2025 của hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Pá mỳ, về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ năm 2025.

Quyết định số 151/QĐ-THCSPM ngày 04/10/2024 của trường PTDTBT THCS Pá Mỳ về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024 – 2025.

Quyết định số 56/QĐ – THCS ngày 08/9/2025 quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường PTDTBT THCS Pá Mỳ thực năm học 2025 – 2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo; chuẩn nghề nghiệp.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐTC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, Cán bộ quản lý và nhân viên	19	0	0	16	0	02	01	05	08	0	06	07	0	0

[illegible]

3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Bảo vệ	1					1								

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Xếp loại Nội dung	Tổng số CB, GV	Hoàn thành	Không hoàn thành	Ghi chú
Nội dung 1	16	16	0	
Nội dung 2		16	0	
Nội dung 3		16	0	
XLC		16	0	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN
I	Số phòng học	10	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	08	31,1 HS/1p
2	Phòng học bán kiên cố	02	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	
6	Số phòng học đa chức năng(có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1/1
8	Bình quân HS/lớp	249/8	31,1
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	6839	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	3000	

VI	Tổng diện tích các phòng	465	
1	Diện tích phòng học (m2)	267	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	100	
3	Diện tích thư viện (m2)	50	
4	Diện tích nhà tập đa chức năng (phòng GD rèn luyện thể chất (m2)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động đoàn, đội, phòng truyền thống (m2)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	4	
1	Khối 6	1	
2	Khối 7	1	
3	Khối 8	1	
	Khối 9	1	
4	Khu vườn sinh vật, địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)	24	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	11	
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	0	
3	Đầu vi deo/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu	08	
5	Phòng trực tuyến (bộ)	01	
6	Thiết bị khác	05	

	Nội dung	Số lượng m2		
X	Nhà bếp	1= 23.4 m2		
XI	Nhà ăn	1 nhà = 70 m2		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích m2	Số chỗ	Diện tích bình quân chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24phòng=540 m2	24x8= 192	2,26 m2/1
XIII	Khu nội trú	4 khu	Dùng cho HS: 24 p	Số m2/hs 2,26 m2/1

XIV	Nhà sinh vệ	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/hs	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2	0	2	0	4,5 m2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, máy phát)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Trang website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	có	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt bởi quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm 2024– 2025.

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	
2	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
3	Tiếng Anh 9 English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp TLICS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		(Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	
6	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phuong (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mỹ thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 6 I-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Chưa đánh giá.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh

nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	2 lớp = 49 hs - HS hoàn thành chương trình tiểu học, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 6 thuộc địa bàn xã Pá Mỳ.	2 lớp = 64 hs - HS sinh sống thuộc địa bàn xã Pá Mỳ. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ giáo dục. - HS chuyển trường đi – đến phải có hồ sơ đầy đủ theo quy định.	2 lớp = 47 hs - HS sinh sống thuộc địa bàn xã Pá Mỳ. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ giáo dục. - HS chuyển trường đi – đến phải có hồ sơ đầy đủ theo quy định.	2 lớp = 55hs - HS sinh sống thuộc địa bàn xã Pá Mỳ. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ giáo dục. - HS chuyển trường đi – đến phải có hồ sơ đầy đủ theo quy định.
	Tỷ lệ hs/lớp	24,5 hs/lớp	32 hs/lớp	23,5 hs/lớp	27,5 hs/lớp
	Số HS học 2 buổi/ngày	0 lớp = 0 hs	0 lớp = 0 hs	0 lớp = 0 hs	0 lớp = 0hs
	Tỷ lệ HS Nữ	30/49= 61,2	32/64=50	25/47 = 53,2	25/55= 45,5
	HS dân tộc thiểu số	49	63	47	54
	HS Khuyết tật	01	01	0	0
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	-Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên - Khối 6, khối 7, khối 8, khối 9 thực hiện chương trình GDPT 2018.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh; Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động ban đại diện cha mẹ học sinh đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp họp 3 lần/1 năm. Ban đại diện CMHS trường, lớp có đủ thành phần cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. mọi học sinh phải thực hiện tốt mọi nội quy quy định trong			

		điều lệ trường phổ thông, học tập và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy. tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- HS Tham gia hoạt động đội, được tham gia các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN – TDDT; được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, ủng hộ của Ban đại diện CMHS và kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và với học sinh các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm; các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo kế hoạch của nhà trường và thỏa thuận với CMHS. - Xây dựng trường học hạnh phúc; cảnh quan trường lớp Xanh – sạch – đẹp và an toàn - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do ngành và trường phát động.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất: 100% thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu trên 98% đến 100% lên lớp thẳng, TN THCS đạt 100%. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh; hạn chế tối đa tai nạn thương tích đối với học sinh.			
VI	Khả năng tiếp tục học tập của học sinh	- Duy trì sĩ số ổn định, tỷ lệ chuyên cần cao - Tỷ lệ lên lớp 98% trở lên	-Duy trì sĩ số ổn định, tỷ lệ chuyên cần cao -Tỷ lệ lên lớp 98% trở lên	-Duy trì sĩ số ổn định, tỷ lệ chuyên cần cao - Tỷ lệ lên lớp 98% trở lên	-Duy trì sĩ số ổn định, tỷ lệ chuyên cần cao -Tỷ lệ TN THCS 100% - Tỷ lệ đỗ lớp 10 và tương đương 71% trở lên.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

*** NĂM HỌC 2024 - 2025**

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Áp dụng đối với học sinh đánh giá theo TT 22 2021 TT- BGDDT ngày					

	20/7/2021					
1	Số HS chia theo kết quả Rèn luyện	214	49	64	46	55
	Tốt	151	41	39	35	36
	Khá	56	8	22	10	16
	Đạt	7	0	3	1	3
	Chưa đạt	0	0	0	0	0
2	Số HS chia theo kết quả Học tập	214	49	64	46	55
	Tốt	5	0	0	4	1
	Khá	57	13	14	14	16
	Đạt	148	36	47	27	38
	Chưa đạt	4	0	3	1	0
II	Tổng hợp kết quả cuối năm	214	49	64	46	55
	Lên lớp	211	49	61	45	
1	Áp dụng đối với học sinh đánh giá theo TT 22/2021/TT- BGDDT ngày 20/7/2021					
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	2,3%	0	0	1,9%	0,47%
2	Thi lại/ HS kiểm tra đánh giá lại các môn trong hè	1,9%	0	1,4%	0,47%	0
3	Lưu ban	1,9%	0	1,4%	0,47%	0
4	Chuyển đi	0	0	0	0	0
5	Chuyển đến	0	0	0	0	0
6	Bỏ học	0,9%	0	0	0,9%	0
7	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
III	Số học sinh đạt giải qua các kì thi					
1	Cấp tỉnh	0	0	0	0	0
2	Cấp huyện	4	1	0	3	0
3	Quốc gia	0	0	0	0	1
IV	Số hs dự xét TN THCS					55
V	Số hs được công nhận TN THCS					55

	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					1,8%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					29,1%
	TB (tỷ lệ so với tổng số)					69,1%
	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					0
VI	Số hs thi đỗ THPT và tương đương					35/55 (63,6%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ.

(Có biểu báo cáo quyết toán hàng quý, năm theo quy định)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chất lượng đội ngũ giáo viên

Giáo viên dạy giỏi các cấp: Cấp tỉnh 0 đồng chí, cấp huyện 05 đồng chí, cấp trường 06 đồng chí.

2. Chất lượng giáo dục học sinh giỏi

Có 1 học sinh đạt giải Nhì môn Toán lớp 8, 2 học sinh đạt giải Khuyến khích môn Ngữ văn lớp 8, 1 học sinh đạt giải Khuyến khích môn KHTN lớp 6 tại kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện.

3. Kết quả tham gia các hoạt động phong trào

Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Kết quả 05/05 cá nhân được công nhận Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, trong đó có 01 cá nhân được UBND huyện tặng Giấy khen.

Tham gia Đại hội TDTT xã Nậm Kè năm 2025: Kết quả 01 giải nhất đôi nữ Pickleball, 01 giải ba đôi nam nữ Pickleball, 01 giải ba môn Tù lu đồng đội nam, 01 giải nhất môn đẩy gậy nam.

4. Công tác phổ cập giáo dục THCS

Kiểm tra công nhận đạt chuẩn, duy trì chuẩn Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ kết quả Phổ cập GD THCS duy trì đạt chuẩn mức độ 3.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Lò Văn Thanh